TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HS-PT
Ngày 15 - 9 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Cầm Văn Thanh.

Các Thẩm phán: Bà Điêu Thị Kim Liên, bà Tòng Thị Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Lò Văn N theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXPT-HS ngày 29/8/2023. Do có kháng cáo của bị cáo Lò Văn N đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 123/2023/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh SL.

Bị cáo có kháng cáo:

Lò Văn N (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 03/9/1976 tại huyện SM, tỉnh SL; Nơi cư trú: Bản T, xã M, huyện SM, tỉnh SL; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn T (đã chết) và bà Lò Thị O; Bị cáo có vợ là Tòng Thị Th, sinh năm 1982 và có 02 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/02/2023 đến nay. Có mặt.

- Ngoài ra còn có 03 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không bị Toà án triệu tập:

1. Lò Văn C (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 20/6/1980 tại huyện SM, tỉnh SL; Nơi cư trú: Bản T, xã M, huyện SM, tỉnh SL; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn G và bà Quàng Thị S (đều đã

chết); Bị cáo có vợ là Lò Thị P, sinh năm 1985 và có 02 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/02/2023 đến nay.

2. Lường Văn S (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 01/9/1974 tại huyện SM, tỉnh SL; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện SM, tỉnh SL; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lường Văn B (đã chết) và bà Lường Thị U, sinh năm 1946; Bị cáo có vợ là Lường Thị H, sinh năm 1971 và có 04 con (con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1999); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/02/2023 đến nay.

3. Lò Văn T (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 19/9/1976 tại huyện SM, tỉnh SL; Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện SM, tỉnh SL; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn H, sinh năm 1954 và bà Lò Thị Ch, sinh năm 1955; Bị cáo có vợ là Vì Thị H, sinh năm 1982 và có 01 con riêng của vợ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/02/2023 đến nay.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Toà án không triệu tập: Anh Lò Văn M, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện SM, tỉnh SL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 00 phút ngày 23/02/2023, tổ công tác Công an xã M, làm nhiệm vụ tại bản S, xã M, huyện SM, tỉnh SL phát hiện bắt qủa tang Lò Văn N có hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý; thu giữ trong túi quần phía trước bên phải đang mặc của Nọi 02 gói nilon màu trắng, trong đó gói thứ nhất chứa 03 viên nén màu hồng, gói nilon thứ hai chứa 02 viên nén màu hồng (N khai nhận là Hồng phiến). Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với N, thu giữ vật chứng. Ngoài ra, còn tạm giữ của N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu đen, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn đen, có BKS 26H8-6938.

Ngay sau khi bị bắt quả tang, N khai số ma tuý bị thu giữ là do N cùng Lò Văn C, trú tại bản T, xã M, huyện SM góp tiền cùng để N đến nhà Lò Văn S, trú tại bản M, xã C, huyện SM mua về sử dụng chung. Tuy nhiên, khi N đến hỏi mua ma tuý thì S không có ma tuý nên N đã đưa số tiền 190.000 đồng (gồm 100.000 đồng là của C và 90.000 đồng là của N) cho S để mua ma tuý, sau đó S

đã mua được của Lò Văn T, trú tại bản M, xã C, huyện SM 06 viên Hồng phiến với số tiền 150.000 đồng để bán lại cho N.

Ngày 23/02/2023, Lò Văn C, Lường Văn S đã đến UBND xã M, huyện SM để đầu thú về hành vi phạm tội; đã tạm giữ của C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh, tạm giữ của S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu gold và số tiền 40.000 đồng (là số tiền S được hưởng lợi khi bán ma tuý cho N).

Ngày 24/02/2023, Lò Văn T đến Công an huyện SM đầu thú, tạm giữ của T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu gold, số tiền 150.000 đồng (là tiền bán ma tuý cho S).

Ngày 24/02/2023, tại Cơ quan CSĐT Công an huyện SM đã tiến hành cân tịnh 05 viên nén màu hồng chứa trong 02 gói Nilon màu trắng thu của Lò Văn N có tổng khối lượng 0,50 gam. Trích 02 viên có khối lượng 0,20 gam để làm mẫu gửi giám định ký hiệu là S, 03 viên còn lại có tổng khối lượng 0,30 gam ký hiệu L.

Tại bản kết luận giám định số: 466/KL-KTHS, ngày 27/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh SL kết luận: *"Mẫu gửi giám định ký hiệu S là ma tuý loại Methamphetamine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,20 gam. Tổng khối lượng ma tuý thu giữ là 0,50 gam loại Methamphetamine."*

Tại bản kết luận giám định số: 478/KL-KTHS, ngày 27/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh SL kết luận: *"Số tiền 190.000 đồng gửi giám định là tiền thật"*.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận: Khoảng 08 giờ 45 phút, ngày 23/02/2023, Lò Văn N điều khiển xe moto mang biển kiểm soát 26H8-6938 đi từ nhà đến bản S, xã M, huyện SM để xát thóc; khi đi N mang theo 100.000 đồng (Gồm: 01 tờ mệnh giá 50.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 20.000 đồng và 01 tờ mệnh giá 10.000 đồng). Trong lúc N đang chờ xát thóc thì C gọi điện thoại hỏi N đang đi đâu, N nói đang đi xát thóc thì C không nói gì rồi tắt máy. Chờ xát thóc lâu nên N điều khiển xe đi sang nhà C uống nước, lúc ngồi nói chuyện với C, N nói là *"Tý nữa xuống dưới"*, ý N là sẽ đi tìm mua ma tuý về sử dụng. C hiểu ý nên đã đưa cho N 100.000 đồng (Gồm: 02 tờ mệnh giá 50.000 đồng) để N mua ma tuý để cùng sử dụng, N nhận tiền và nói để đi tìm xem, nếu có sẽ mua về. Sau đó, N điều khiển xe lên bản M, xã C, huyện SM, tỉnh SL để hỏi mua ma tuý từ em họ là Lường Văn S. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, N gặp S đang đi bộ ngược chiều thuộc bản M, xã C thì S rủ N lên một lán nương gần đó ngồi chơi; tại đây N hỏi mua ma tuý của S nhưng S nói không có, N đưa cho S 190.000 đồng (03 tờ mệnh giá 50.000 đồng và 02 tờ mệnh giá 20.000 đồng) để S

tìm mua ma tuý, S nhận tiền cất vào túi quần rồi gọi điện thoại cho Lò Văn T ở cùng bản hỏi mua Hồng phiến với số tiền là 150.000 đồng, T nói không có nhưng sẽ tìm mua cho và hẹn nhau tại khu vực nương sắn nơi S và N đang ở đó.

Sau khi nhận lời đi tìm mua ma tuý cho S thì T mang theo số tiền 100.000 đồng đi bộ từ nhà lên khu vực đường tuần tra biên giới Việt Nam – Lào thuộc bản M, xã C. Khi đến nơi, T gặp một người đàn ông không quen biết, T đã mua được của người này 06 viên Hồng phiến. Sau khi mua được ma tuý T đi bộ đến khu vực nương sắn gặp S, gặp nhau S hỏi T *"Mang đến chưa"*, T trả lời *"Rồi"*, S trả cho T số tiền 150.000 đồng (Gồm: 03 tờ mệnh giá 50.000 đồng), S giữ lại 40.000 đồng tiền của N đưa cho, S bảo số Hồng phiến này do S mua của T để bán lại cho N nên bảo T đưa gói ma túy cho N. N nhận lấy gói Hồng phiến rồi mở ra lấy 01 viên Hồng phiến đi ra giữa nương sắn sử dụng cùng S và T bằng hình thức hít qua đường hô hấp vào cơ thể (bật lửa, giấy bạc do N đem theo từ trước), sử dụng ma túy xong N lấy mảnh nilon gói số Hồng khiến còn lại thành hai gói, trong đó một gói chứa 03 viên Hồng phiến, gói còn lại chứa 02 viên Hồng phiến cất giấu vào trong túi quần bên phải đang mặc rồi điều khiển xe đi về qua chỗ xát thóc, N trả tiền xát thóc hết 10.000 đồng và tiếp tục điều khiển xe để về nhà của C, khi đi được một đoạn thuộc bản S, xã M thì N bị Công an xã M phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng, tài sản như đã nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 123/2023/HS-ST ngày 29/6/2023 của Toà án nhân dân huyện SM, tỉnh SL đã quyết định:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm các tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý".

Xử phạt bị cáo Lò Văn N 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, 07 (Bảy) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt của các bị cáo Lò Văn T, Lò Văn C và bị cáo Lò Văn S; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo và những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/7/2023 bị cáo Lò Văn N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu về quá trình thực

hiện tố tụng của Tòa án đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ điểm điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lò Văn N. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 123/2023/HS-ST ngày 29/6/2023 của Toà án nhân dân huyện SM, tỉnh SL như sau: giữ nguyên 02 năm 06 tháng về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, giảm 02 năm tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2022.

- Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo Lò Văn N nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát xin giảm nhẹ hình phạt và không có ý kiến tranh luận thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lò Văn N có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đảm bảo về hình thức và chủ thể kháng cáo quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự, do đó kháng cáo của bị cáo hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo Lò Văn N tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định:

Ngày 23/02/2023, bị cáo Lò Văn N có hành vi rủ bị cáo Lò Văn C cùng góp tiền đi mua ma tuý về sử dụng, sau đó N gặp bị cáo Sông để hỏi mua ma tuý nhưng Sông không có ma tuý nên đã gọi điện cho bị cáo T để hỏi mua 150.000 đồng ma tuý. T đi tìm mua được 06 viên Hồng phiến với giá 100.000 đồng và đem đến lán nương nhận 150.000 đồng từ S và trực tiếp giao 06 viên Hồng phiến cho N. Sau khi có ma tuý, N cùng S, T sử dụng hết 01 viên tại chỗ. Sau khi sử dụng ma tuý xong thì N cầm theo 05 viên Methamphetamine có khối lượng 0,50 gam quay trở về

nhằm mục đích cùng sử dụng với C thì bị phát hiện bắt quả tang cùng với vật chứng của vụ án.

Hành vi của Lò Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo điểm c khoản 1 Điều 249 và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lò Văn N 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý là đúng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lò Văn N 07 (Bảy) năm tù là đúng người, đúng tội, nhưng hơi nghiêm khắc, cần xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lò Văn N, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức về xã hội và pháp luật còn nhiều hạn chế, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa cấp sơ thẩm không áp dụng là thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Tại tòa phúc thẩm cần bổ sung thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo Lò Văn N trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, có căn cứ để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Lò Văn N xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn kháng cáo và giảm một phần hình phạt về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý cho bị cáo.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo: Lò Văn N. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 123/2023/HSST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện SM, tỉnh SL, như

sau:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý".

Xử phạt bị cáo Lò Văn N 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma tuý và 05 (Năm) năm tù về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/02/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3.Về án phí: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Lò Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 15/9/2023)./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện SM;
- VKSND huyện SM;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện SM ;
- Công an huyện SM ;
- Bị cáo;
- Phòng KTNV- THA;
- Tổ HCTP;
- Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cầm Văn Thanh